

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO

QUYỂN 40

- Số từ câu: “Phàm cơ duyên sai khác, giáo pháp riêng biệt” tiếp xuống: Là phần thứ ba (của phần Phân biệt với cách giải thích khác), tóm kết, xác nhận nghĩa ở trước. Phần này gồm sáu chi tiết:

Một: Tán thán chỗ thâm diệu, vừa khiêm tốn, vừa đề cao.

Hai: Tạo lập Lý theo hướng tiến, lui.

Ba: Tóm kết, xác nhận chỗ tăng, giảm.

Bốn: Nêu ra sự so sánh để chứng minh.

Năm: So sánh đối chiếu sự cao rộng của công sức.

Sáu: Dẫn văn để thành lập.

- Trong chi tiết một gồm ba phần nhỏ:

Thứ nhất: Cùng biện minh cả hai về giáo pháp, tông chỉ sâu xa huyền diệu, tức là tán thán pháp.

Thứ hai: Nêu rõ chưa chứng đắc nên khiêm tốn.

Thứ ba: Từ câu: “Cùng tường tận về” tiếp xuống: Là đề cao.

- Số từ câu: “Vả lại, do cạn là sâu” tiếp xuống: Là chi tiết hai, tạo lập Lý theo hướng tiến, lui, nêu rõ có tổn giảm, có tăng thêm. Trụ thứ nhất tức thì gồm đủ pháp Phật là sâu xa. Nhưng đề cao nơi Địa thứ nhất, cho phần trước Địa vốn không có tức là cạn, nên thành hủy báng pháp. Luận Trí Độ nói: Hủy báng có hai thứ. Một là cho rằng đấy chẳng phải Phật giảng nói. Tức là sự hủy báng sâu nặng, bị đọa nơi đại địa ngục. Hai là nói pháp không khế hợp với Lý, đều là hủy báng pháp. “Tức sâu là cạn”.

Câu: “Vả lại, cho cạn là sâu”: Tức dùng chỗ cạn của Trụ thứ nhất để giải thích là viên dung bao hàm sự sâu rộng, há chẳng phải là phù hợp nơi Lý? Vì Lý vốn gồm đủ. Nhưng hai đối này cũng chỉ là nêu chung chung về tất cả pháp sâu cạn.

Câu: “Do xa là gần”: Tức mượn một A-tăng-kỳ kiếp mới chứng đắc Địa thứ nhất là xa. Nay thì cho là Trụ thứ nhất nên là gần. Cho nên một

đời có sự trông mong há chẳng phải là có ích nơi người hành trì.

Câu: “Do gần là xa”: Tức Trụ thứ nhất là gần. Mà đề cao nơi Địa thứ nhất, thì đây là xa. Chưa trải qua A-tăng-kỳ kiếp thì do cái gì để tạo được điều ấy? Nên viết: “Pháp chẳng phải là phần Ngã”.

- Sớ từ câu: “Chư Phật thuyết giảng giáo pháp” tiếp xuống: Là chi tiết thứ ba, tóm kết, xác nhận chỗ tăng giảm. Phần này có thể nhận biết.

- Sớ từ câu: “Lại như, chiều ngồi câu nơi Bàn Khê” tiếp xuống: Là chi tiết thứ tư, nêu ra sự so sánh để chứng minh. Dùng Vua-tôi làm một đối. Bàn Khê tức là nơi Thái Công (Lã Vọng) từng ngồi câu, tức thì trở thành Thừa tướng của Chu Vũ Vương, há cần phải trải qua chỗ nhờ cậy? Lược nêu một sự việc để thấy các trường hợp tương tự rất là nhiều. Gia Cát Lượng đã nhận “Nghị trượng của Vua” nơi lều tranh. Hàn Tín lên hàng tướng lãnh, nơi đàn tế chỉ một tên quân. Sát Trạch đoạt lấy ấn của Phạm Tung. Trương Nghi áp đảo cả uy quyền của vua Tần. Đều là hàng áo vải cả. Vừa sinh nơi vương cung, căn cứ nơi chủ cũng là sự việc bên ngoài. Dựa theo Kinh tức nơi quyển thứ bảy mươi tám (Kinh Hoa Nghiêm) nói: “Vị như Vương tử mới sinh ra, liền được các vị quan kỳ cựu kính lễ. Tâm Bồ đề ấy cũng lại như thế.”

Phẩm Xuất Hiện có câu: “Như Chuyển Luân vương sinh được Thái tử có đủ phước tướng của Vua, bảy thứ báu không thất tán, tức giống giống vua được nối tiếp.”

Nếu căn cứ nơi ngoại điển thì sự việc rất nhiều. Như Chu Thành Vương, Tấn Hiến Công, đều từ nhỏ đã là bậc “Nhân chủ”.

Câu “Trăm trận mới diệt được họ Hạng” tức là Hán Cao Tổ. Người xưa Vịnh Sử, nói:

*“Trăm trận mới diệt Hạng
Ba điều thay nhà Tần...”*

- Sớ từ câu: “Huống chi mười ngàn kiếp” tiếp xuống: Là chi tiết năm, so sánh nêu ra sự cao rộng của công sức. Do tu hành mười ngàn kiếp mới nhập nơi Trụ thứ nhất, thành “Chánh định tụ”, cũng chẳng phải chỉ phát tâm không hạn lượng thì đạt được như thế.

Nói “Cũng chẳng phải là người như vậy” (diệc phi liêu nhĩ nhân nhĩ) thì chữ “Liêu nhĩ” là nói lược bớt. Sử sách cho biết: “Chu Công là con của Chu Văn Vương, em của Chu Vũ Vương, chú của Chu Thành Vương, chẳng phải là người như vậy.” Nay mượn chữ ấy để dùng ở đây.

- Sớ từ câu: “Do đây, nói về Trí” tiếp xuống: Tức là chỗ đức được

thành tựu của công sức cao rộng. “Ao trời” tức là Biển.

- Sở từ câu: “Cho nên Kinh nói: phát tâm rốt ráo, hai mà chẳng riêng” tiếp xuống: Là chi tiết thứ sáu, nên dẫn văn để thành lập. Tức là văn của Kinh Đại Bát Niết-bàn. Nửa sau của Tụng viết:”

*“Minh chưa được độ, trước độ người
Do đấy, con lẽ sơ phát tâm.”*

Đến phẩm Pháp giới sẽ lại nêu dẫn rộng.

Bồ tát Pháp Huệ “Ngũng suy”, tức là ý của Kinh hiện tại.

Nói “Như hoặc chưa nêu dụ”: Chưa nêu dụ tức chưa hiểu.

Câu: “Kinh Thắng Man có văn nói về phần này” thì đến phẩm thập Địa sẽ giải thích rộng. Kinh Thắng Man nói đến ba thứ Trí. Đây tức Trí thứ ba, là “Trí Ngũng suy”.

- Sở câu: “Hoặc nói: Một phần của mười sáu phần”: Như nơi cân, một cân có mười sáu lượng. Nhưng câu này xuất xứ từ Kinh Đại Bát Niết-bàn, quyển thứ sáu, phẩm Như Lai Tánh (Nam bản là phẩm Tứ y). Kinh viết:

“Như có chúng sinh ở nơi bốn hằng hà sa Phật phát tâm Bồ đề, sau đấy mới có thể ở trong cõi đời xấu ác chẳng hủy báng pháp này, mà thọ trì đọc tụng, sao chép, truyền bá, vì người khác giảng nói rộng một phần trong mười sáu phần diệu nghĩa của Kinh. Tuy lại diễn nói cũng chẳng đầy đủ... Cùng phát tâm Bồ đề ở nơi năm hằng hà sa Phật, thì giảng nói rộng được tám phần trong mười sáu phần. Phát tâm Bồ đề nơi sáu hằng hà sa Phật thì giảng nói rộng được mười hai phần. Phát tâm Bồ đề nơi bảy hằng hà sa Phật thì giảng nói rộng được mười bốn phần. Phát tâm Bồ đề nơi tám hằng hà sa Phật thì giảng nói rộng được mười sáu phần...”

Đại sư Huệ Viễn cũng nêu lên hình ảnh chiếc cân, nhưng không giải thích riêng.

- Sở câu: “Đây gọi là gần, ít”: Tức trong âm nghĩa dẫn nơi Kinh Đại Bát-nhã, dịch là Ô Ba Ni Sát đàm. Ô Ba là Gần. Ni Sát đàm là ít, nhỏ. Hoặc gọi là “Cận đối”, tức là gần nhau, đối chiếu. Hoặc cho là “Hết sức ít”.

- Sở câu: “Sự tùy theo Tánh dụng thông nên đây-kia tương tức”: Như Kinh nói trong đầu một sợi lông có tánh của tất cả thế giới sai biệt, nghĩa là, tánh của đầu một sợi lông là Tánh của tất cả thế giới sai biệt. Nay nói tất cả thế giới, tức sự tùy theo Tánh của pháp kia là đầu một sợi lông. Do Tánh nơi “Tức đầu một sợi lông” là Tánh của các thế giới. câu dưới cũng thế. Tánh trong tất cả thế giới, tức là Tánh của đầu một

sợi lông. Một sợi lông theo Tánh tức là theo tất cả thế giới. Câu trên thì nhiều tức là một. Câu dưới thì một tức là nhiều.

Nói “Sự gồm thâu Tánh dấy khởi, nên đây kia cùng hội nhập”: Nghĩa là, sự của đầu một sợi lông gồm thâu trọn vẹn Tánh của tất cả thế giới. Cho nên tất cả thế giới tùy theo chỗ Tánh nhiều kia mà ở trong một sợi lông. Câu sau cũng thế. Tất cả thế giới gồm thâu trọn vẹn Tánh của đầu một sợi lông, nên một sợi lông tùy theo Tánh mà hiện khắp trong tất cả thế giới.

Nói “Đều có đồng Thể dị Thể”: Nghĩa là, đầu một sợi lông cùng với tất cả cõi đều là có. Thế nào là dị Thể? Tức mỗi mỗi cõi v.v... đều có Thể Tánh. Thế nào là đồng Thể? Tức Thể của các cõi sai biệt đều cùng một Thể. Nay, trong một sợi lông tự có Thể Tánh, đó là dị Thể, mà đồng với Thể của các cõi, nên gọi là đồng Thể. Mỗi mỗi các cõi đều tự có Thể Tánh, tức so với đầu sợi lông thì cùng đồng một Thể. Nay, các cõi cùng tùy theo dị Thể kia, tức là đồng Thể của đầu sợi lông kia. Cõi tức là đầu sợi lông, dị Thể của đầu sợi lông tùy theo chỗ đồng Thể kia nên biến hiện khắp nơi dị Thể của các cõi. Thể kia tức là cõi, nên sợi lông tức là Thể của các cõi.

Tuy nhiên, ở trên, trong phần giải thích Lý, Tánh dung thông, đã bỏ qua không nêu rộng về nghĩa đồng Thể, dị Thể. Song cũng có ý ấy như văn ở trên đã nói: “Tức là chẳng khác với một Sự của Lý, nên khi thâu tóm đủ Lý, Tánh chính là nghĩa đồng Thể. Nay, chỗ chẳng khác với nhiều Sự của Lý kia, tùy theo chỗ dựa là Lý đều ở trong một mà hiện bày, tức dị Thể tùy nơi đồng Thể”.

- Số câu: “Nghĩa là mọi duyên khởi lại hỗ tương sinh thành”: Tức cái một của một sợi lông là do cái nhiều của các cõi. Cõi là chủ thể sinh khởi, sợi lông là đối tượng được sinh khởi. Nhân nơi cái một của sợi lông nên có cái nhiều của các cõi. Nhiều là đối tượng được sinh. Đối tượng được sinh không có Thể, nên nhiều tức là một sợi lông. Chủ thể sinh khởi có Thể Tánh, nên sợi lông thâu tóm các cõi. Ở trên nói sợi lông là đối tượng được sinh khởi. Trái lại điều này thì có thể nhận biết một sợi lông là chủ thể sinh khởi, tức là có lực. Các cõi là đối tượng được sinh khởi tức là không có lực. Có lực thâu tóm không có lực nên một sợi lông có nơi nhiều cõi. Nhiều cõi có thể sinh một sợi lông, nên một sợi lông tức không có lực. Có lực thâu tóm không có lực nên sợi lông hội nhập nơi nhiều cõi.

Về nghĩa, Đồng Thể Dị thể có diễn rộng trong phần Huyền đàm ở trước.

- Sớ câu: “Do lớn chẳng phải là lớn cố định nên có thể là nhỏ v.v...” thì chữ vân vân là chỉ cho phần: “Do nhỏ chẳng phải là nhỏ cố định nên có thể là lớn”, cùng: “Nhiễm chẳng phải là nhiễm cố định nên có thể là Tịnh. Tịnh chẳng phải là Tịnh cố định nên có thể là Nhiễm”. Cực lớn có ở nơi tướng nhỏ, chẳng hủy hoại nơi lớn, nên nhỏ hội nhập vào lớn. Nếu ngược lại thì rõ: Cực nhỏ có ở tướng lớn, chẳng hủy hoại tướng nhỏ thì hạt cải dung nạp cả núi Tu di.

- Sớ câu: “Trong phần riêng, nói bình đẳng là chung cho tướng tức, tướng nhập”: Là chọn lấy chung các câu nói về bình đẳng. Nhưng chữ bình đẳng cần áp dụng nơi các tướng dài, ngắn v.v... thì mới có đủ tướng tức, tướng nhập.

Nhưng gọi là “Kiếp”, như Luận Bà Sa quyển thứ nhất trăm ba mươi lăm nói: “Phân biệt về thời phần nên gọi là kiếp. Thể tức năm uẩn sinh diệt để thành nơi kiếp.” Đại thừa thì dùng Thời gian làm Thể. Kinh nói: “Kiếp dài cùng với kiếp ngắn bình đẳng v.v...” ý cho rằng: Kiếp dài tức là kiếp ngắn. Kiếp ngắn tức là kiếp dài. Cũng là bình đẳng. Kiếp dài nhập nơi kiếp ngắn. Kiếp ngắn nhập nơi kiếp dài. Cũng là bình đẳng.

“Dựa theo duyên” tức là môn “Cùng do duyên khởi”. “Dựa nơi Tánh” tức là môn “Pháp tánh dung thông”. “Duy tâm” tức là môn “chính là chỗ hiện bày của Tâm”. Tức ba trong mười Nhân. “Vân vân” là chỉ cho bảy nhân còn lại như mộng, huyễn v.v...

- Sớ câu: “Hai, Ba cùng Bốn, vẫn đều có thể nhận biết”: Hai tức là Một, Nhiều. Ba tức có Phật, không Phật. Như kiếp Trang nghiêm của quá khứ, Hiền kiếp của Hiện tại, kiếp Tinh tú của vị lai, đều có một ngàn Phật, gọi là kiếp có Phật. Sau đấy, sáu vạn hai ngàn kiếp hoàn toàn không có Phật, gọi là kiếp không Phật.

Bốn tức là Nhiều, ít. Như Uy Quang tu nhân trong vô số kiếp Trang, Nghiêm, có số Phật nhiều như số vi trần của mười núi Tu di. Kinh Pháp Hoa nói trú xứ của Phật Đại Thông Trí Thắng, phương Đông nam, Phạm Vương tán thán:

*“Một trăm tám mươi kiếp
Hoàn toàn không có Phật.”*

Theo Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa, quyển thứ mười nói: “Như trong Kinh thuyết giảng: Các Tỳ kheo! Trước Hiền kiếp này trong chín mươi một kiếp có Phật Tỳ Bà Thi xuất hiện đời, trong một trăm ba mươi một kiếp có hai vị Phật xuất hiện là Thi khí, và Tỳ Thức Bà. Trong Hiền kiếp này có các Phật Cưu Lô Tôn, Ca Na Hàm Mâu ni, Ca điếp xuất

hiện ở đời. Sáu vạn hai ngàn kiếp hoàn toàn không có Phật.”

- Số câu: “Như thế giới Thắng Liên Hoa” Tức nơi phẩm Thọ Lượng.

- Số câu: “Nghĩa là, ở nơi Cảnh quyết định, thu giữ làm Tánh”: Tức do làm rõ các giáo, lý tà chánh, diệu lực ở nơi chỗ chọn lấy Cảnh để thẩm định, thu giữ. Do đấy, duyên khác chẳng thể dẫn chuyển. Nếu do dự nơi Cảnh thì Thắng giải hoàn toàn không có, chẳng phải là thẩm định.

- Số câu: “Trong phần riêng gồm có mười ba câu”: Đây là nghĩa nơi câu theo cách giải thích từng câu.

- Số câu: “Tức chỗ thâm tóm của Thắng giải Trí lực”: Là căn cứ theo Trí của mười lực mà nói. Do Chủng chủng Thắng giải Trí lực (Trí lực thứ năm trong mười Lực của Phật) cũng gọi là “Lạc dục”. Nếu căn cứ theo Pháp tướng thì Dục cùng với thắng Giải khác nhau, cả hai đều là những Tâm sở trong năm Tâm sở Biệt Cảnh. Nhưng ở nơi mười Lực thì cả hai hợp làm một, nên dùng tên gọi có khác.

- Số câu: “Do chỗ hướng tới khác nhau”: Tức ba phương tiện ở trước là thuộc về Giải, nay thì cho thuộc về các Thiền (Là Trí Lực thứ ba trong mười Lực).

- Số câu: “Tức là Tha tâm trí”: Nếu là mười Lực thì thuộc chỗ thâm tóm của Giới (Chủng chủng giới Trí lực).

- Số câu: “Tất cả phiền não đều có nhẹ nặng”: Tức phân làm chín phẩm. Từ câu: “Căn cứ theo sự dấy khởi nơi Hoặc” tiếp xuống: Là nêu ra nguyên do của tính chất nhẹ nặng ấy.

Như một Hoặc là Tham, gọi là nặng, tức ở nơi Cảnh thấp kém dấy khởi tham lam mãnh liệt. Trung là xứng hợp với Cảnh thì dấy khởi. Hạ là ví như ở nơi Cảnh hơn hẳn, nhưng tâm thì yếu kém, không dấy khởi mạnh. Ba thứ đều có ba nên thành chín phẩm.

- Số từ câu: “Dựa vào sự khó, dễ” tiếp xuống: Là mỗi mỗi riêng từng loại cùng so sánh để bàn rõ về chỗ nhẹ nặng.

- Nói “Chủng tử là nặng”: Như Chủng tử của “Câu sinh hoặc” thì đến định “Kim cang dụ” mới đoạn trừ hẳn. Cho nên phần Kinh tiếp sau có câu:

“Kim cang đạo diệt mới rốt ráo”.

- Số: “Lại như phân biệt là nhẹ” Tức trong “Kiến đạo đích thực” (Chân kiến đạo), một lúc tức khắc đoạn trừ. Duy Thức nói: “Kiến đạo duyên chung với đế”. Đây là căn cứ theo Đại thừa. Nếu chung cho ba Thừa thì như Luận Duy Thức viết: “Phiền não chướng là chỗ đoạn trừ

của kiến đạo, tức bậc kiến đạo của ba Thừa, trong “Chân kiến đạo” thì một lúc là tức khắc được đoạn trừ.”

- Nói “Câu sinh là nặng”: Tức ở trong bậc Tu đạo luôn luôn tu tập Trí không phân biệt thì mới có thể đoạn trừ được. Phần còn lại như nơi đoạn đầu của thập Địa đã nêu bày.

- Sở : “Tà kiến là hết sức nặng”: Như Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: “Tất cả phiền não đều thu tóm hết trong Tà kiến”. Theo Giới Kinh thì trong mười tội nặng, nặng nhất là hủy báng Tam Bảo. Mười Ác cũng thế.

- Sở câu: “Sân hận là hạng nặng tội bực”: Như nơi phẩm Phổ Hiền Hạnh có câu:

*“Một niệm tâm sân khởi
Trăm vạn cửa chướng mở.”*

- Sở: “Vô minh, Ái, Thủ là nặng”: Tức nơi Kinh Tịnh danh viết : “Từ Si có Ái nên bệnh của Tôi phát sinh.” Kinh đại Bát Niết-bàn nói: “Cõi gốc của sinh tử gồm có hai thứ: Một là Vô minh, hai là Ái...”

- Sở câu: “Ba độc là nặng”: Như Kinh Bản Hạnh viết: “Mọi độc hại của thế gian không gì hơn là ba độc. Các thứ Tùy phiền não đều từ đây mà phát sinh”. Sở câu: Câu: Kiến mạn là nặng. Kiến là tà kiến thiên chấp một lý là thấu suốt rốt ráo ở tâm an nhận Thánh giáo. Thánh giáo. Mạn là dựa vào mình là hơn, không cần tìm cầu nơi khác.

- Sở câu: “Ngã ái, ngã mạn là nặng”: Lược có ba nghĩa:

- Một: Căn cứ nơi Thức, rõ nhất là Thức thứ bảy, nên đã tương ứng với bốn Hoặc.

- Hai: Căn cứ nơi Hành thông hợp, rõ nhất là nơi các pháp Thiền. Như sẽ biện giải nơi phẩm Minh pháp.

- Ba: Căn cứ nơi bốn Quả, rõ nhất là quả A-la-hán. Nếu dấy khởi ý niệm: “Ta đạt được đạo quả A-la-hán” tức chẳng đạt được.

- Sở câu: “Mười đại phiền não là nặng”: Luận Duy Thức viết: “Các phiền não là Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác kiến, tức sáu thứ Căn bản” Luận Câu Xá nói: “Sáu do kiến chia mười”, tức chia Ác kiến làm năm: Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ và Giới cấm thủ (cộng với năm thứ căn bản trước thành mười).

- Sở: “Trong Tùy phiền não thì Đại, Trung, Tiểu tùy lần lượt là nặng, nhẹ”: Tức như Đại tùy là nặng thì Trung tùy, Tiểu tùy là nhẹ. Trung tùy là nặng thì Tiểu tùy là nhẹ. Cho nên gọi là “Lần lượt”.

- Nói “Tùy Hoặc”: Luận Duy Thức viết:

“Tùy phiền não là Phần

*Hận, Phú, Nã, Tật, Xan
Cuống, Siểm cùng Hại, Kiêu
Vô tâm và Vô Quý
Trạo cử và Hôn Trâm
Bất tín cùng Giải đãi
Phóng dật và Thất niệm
Tán loạn, bất chánh tri.”*

Phần văn xuôi giải thích: “Chính là phần vị sai biệt của phiền não, cùng một loại Tánh, nên gọi là Tùy phiền não. Phần Số giải của Luận ấy viết: “Nghĩa là mười thứ như Phẫn, Hận v.v... cùng với Thất niệm, Bất chánh tri, Phóng dật, đều dựa nơi Tâm sở nhiễm là Tham v.v... với phần vị sai biệt nên gọi là Tùy phiền não. Bảy pháp còn lại là Vô tâm, Vô quý, Trạo cử, Hôn trâm, Tán loạn, bất tín, Giải đãi, tuy có Thể Tánh, phần vị riêng, nhưng là cùng loại của các thứ phiền não căn bản ở trước, nên gọi là Tùy phiền não. Do phiền não là nhân thì chúng mới có thể có. Luận viết: “Hai mươi thứ phiền não này phân làm ba hạng: Mười thứ như Phẫn... kiêu, đầy dẫy khởi riêng nên gọi là Tiểu Tùy phiền não. Vô tâm, Vô quý biến hiện khắp các pháp Tâm sở Bất thiện nên gọi là Trung Tùy phiền não. tám thứ còn lại như Trạo cử, Hôn trâm... Bất chánh tri biến hiện khắp Tâm nhiễm nên gọi là đại Tùy phiền não...”

- Số câu: “Tập khí là nhẹ”: Đây tức là tập khí còn sót của bậc A-la-hán, phần này có thể nhận biết.

- Số câu: “Lại có môn khác, có thể nói tóm lược”: Từ trước đến giờ đã có mười môn giải thích về tính chất nặng nhẹ của các thứ phiền não. Có kiến giải cho năm Trụ phiền não thì Vô minh trụ địa là nặng, vì nó gây chướng ngại cho nẻo đại giác ngộ, còn bốn Trụ trước là nhẹ vì ngăn chặn phần Kiến đạo, Tu đạo. Nay thì cho bốn Trụ trước cũng gây chướng ngại đối với Bồ đề, Vô minh trụ địa cũng ngăn chặn nẻo Kiến đạo, Tu đạo. Do vậy chẳng giữ lấy kiến giải kia. Lại có ý kiến cho “Đẳng phần” là nhẹ vì xứng hợp với Cảnh mà đầy khởi. Đa phần là nặng vì vượt qua cảnh để đầy khởi. Lại nói: “Các thứ đầy khởi tạm thời, gián đoạn, yếu kém là nhẹ. Các thứ đầy khởi nhiều lúc thường xuyên, mãnh liệt, là nặng.” Hai loại này trước đã căn cứ nơi “Loại trung” để thâm tóm. Lại cho: Mê chấp về Sự là nhẹ, vì dùng Hậu Đắc Trí để đoạn trừ. Mê chấp về Lý là nặng, vì phải dùng Căn bản trí mới diệt hẳn.” Đây tức cùng với trước cho Vô minh là nặng, vì gây chướng ngại cho Bồ đề, cũng có một phần nhỏ trái nhau nên lược bớt không đề cập. Chẳng

phải là không có lý nên viết là “Có thể nói tóm lược.” Về phần mê chấp về Sự, Lý thì đến phẩm thập Địa sẽ phân biệt rộng.

- Sớ: “Có thể sinh ra Tham cùng Vô lượng phiền não, như Kinh Đại Bát Niết-bàn đã nêu”: Tức nơi Kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai mươi ba phẩm Bồ tát Cao Quý đức Vương. Kinh viết:

“Lại nữa, Thiện nam! Hết thấy hàng phàm phu tuy khéo giữ gìn thân tâm nhưng vẫn còn sinh ra ba thứ Ác giác. Do nhân duyên ấy nên tuy đã đoạn trừ phiền não, được sinh lên cõi Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, vẫn còn phải bị đọa trở lại nơi ba nẻo ác. Nay Thiện nam! Ví như có người đi qua biển lớn, sắp tới bờ bên kia thì bị chết chìm. Hàng phàm phu nói trên cũng lại như thế, sắp ra khỏi ba cõi mà bị đọa trở lại nơi ba đường dữ. Vì sao? Là vì không có “Thiện giác”. Thế nào là Thiện giác? Đó là sáu chánh niệm”. Phần tiếp sau nói rộng về lỗi lầm của “Ác giác”. Do vậy nên viết là “Như Kinh Niết-bàn đã nêu.”

- Nói “Thêm năm để nói có tám Giác”: Tức Như Luận Câu Xá v.v... cũng gọi là tám Tầm. Phần văn tiếp sau nơi bản Sớ giải nêu ra “Não giác” tức là “Hại giác” Kinh Niết-bàn nói chung về sáu chánh niệm là Thiện. Nay thì nêu bày riêng nên dùng Bất tịnh v.v... để đối trị là Thiện. Về đại ý thì có thể nhận biết.

- Sớ câu: “Về lợi căn thì Thân kiến là gốc sinh ra sáu mươi hai thứ”:

- Nói “Thân kiến”: Luận Duy Thức gọi là “Tát-Ca-da-kiến” Luận viết: “Nghĩa là năm Thủ uẩn chấp trước nơi Ngã, Ngã sở. Tất cả kiến chấp hướng đến đã nương tựa là Nghiệp. Chỗ sai biệt của kiến này có hai mươi câu, thấu tóm sáu mươi lăm thứ phân biệt đầy khởi.”

Giải thích: Đoạn sau, từ câu: “Chỗ sai biệt của kiến này” tiếp xuống: Tức như nơi bản Sớ giải viết: “Một là dựa nơi năm uẩn của ba đời để nói.”

Phần Sớ kia giải thích: “Tát Ca da kiến nói đầy đủ theo tiếng Phạn là: Tát-ca-da-đạt Lợi-sắt-trí. Sư của Kinh Bộ nói: Tát nghĩa là hư giả, Ca da là Thân, đạt Lợi-sắt-trí là Kiến. Thân có nghĩa là Tụ, tức tụ tập các yếu tố hư giả. Cho nên nói: Duyên nơi thân tụ tập, đầy khởi kiến gọi là Thân kiến.” Phái Tát Bà đa nêu: “Tát nghĩa là Hữu. Ca-da v.v... thì giống với trước. Tuy thấy tính chất tụ tập nơi Thân mà cho là thật có. Thân tức là tên gọi khác của Tự Thể, nên gọi là Tự thể kiến.” Pháp sư Đại thừa giải thích: “Tăng-cật-lạn để tát nên thành di chuyển. Do pháp của đối tượng chuyển biến trên tâm tâm rộng lớn.

- Nói “Thân kiến di chuyển” tức dựa nơi năm uẩn đầy khởi Ngã

kiến ấy. Đây là chỗ nương tựa nên các kiến mới có thể sinh.

- Nói “Các kiến hướng tới chỗ nương tựa là Nghiệp”: Hướng tới tức như lao vào, là nơi chốn quy về của Hoặc.

- Nói “Hai mươi câu”: Luận Đối pháp quyển thứ nhất viết: “Nghĩa là như cho Sắc là ngã, ngã có Sắc, Sắc thuộc về ngã, ngã ở trong Sắc. Một uẩn có bốn câu như thế. năm uẩn hợp có hai mươi câu. Năm là ngã kiến, phần còn lại đều là ngã sở. Tức là:

- Tương ưng ngã sở. (Tức ngã có Sắc).
- Tùy trực ngã sở. (Tức Sắc thuộc ngã)
- Bất ly ngã sở. (Tức ngã ở trong Sắc)

Nên có mười lăm Ngã sở (năm uẩn, mỗi uẩn có ba).” Đây tức phân biệt về Uẩn của Hành duyên, không phân biệt về chốn của đối tượng được dấy khởi. Nếu trải qua ba đời thì có sáu mươi (2003, thêm Thân tức Ngã là sáu mươi một. Ngã lại khác (lìa) với Thân là sáu mươi hai. Lại kể đến Thường, Vô thường là sáu mươi hai. Như nơi Phẩm mười Tạng đã bàn).

- Nói “Sáu mươi lăm thứ...”: Tức như Luận Bà Sa nói: “Nghĩa là, như cho Sắc là Ngã. Nơi bốn uẩn còn lại mỗi uẩn đều có ba Ngã sở là Ngã Anh Lạc, Ngã đồng bộc, Ngã khí, tức có mười hai. Sắc là một Ngã nên thành mười ba. Năm uẩn tổng cộng có sáu mươi ngã sở kiến, có năm Ngã kiến là sáu mươi lăm.” Đây tức là phân biệt về Uẩn của Hành duyên cũng phân biệt về nơi chốn của đối tượng được dấy khởi. Tất cả đều là sự phân biệt nơi Ngã kiến.

- Số Câu: “Hai là căn cứ ở tà kiến của dị đạo, như Luận Du Già quyển thứ tám mươi bảy đã nêu bày đủ”: Trong Luận căn cứ theo chỗ mê chấp nơi đời trước, đời sau làm thứ lớp. Nay dựa theo Duy Thức nên căn cứ nơi đối tượng được nương tựa là Kiến phần.

Nghĩa là, ở nơi đời trước chấp về bốn Biến thường, bốn Nhất phần thường, cho đến dựa nơi chỗ chấp ở đời sau (vị lai) có Tướng thành mười sáu thứ. Vô tướng cùng phủ nhận (câu phi) đều có tám luận chứng tổng cộng là bốn mươi thứ thường kiến sai biệt, có chỗ chấp nơi đời sau (vị lai) về bảy đoạn diệt luận. Bốn mươi bảy thứ này cùng nhân nơi ngã kiến mà dấy khởi Biên kiến, có chỗ chấp nơi đời trước (quá khứ) là hai Vô nhân luận, bốn Hữu biên luận, bốn Bất tử kiêu loạn, cùng với chỗ chấp nơi đời sau là năm Hiện Niết-bàn, nên thành sáu mươi hai. Sáu mươi hai thứ này dùng Tà kiến, Biên kiến làm Tự Thể, dùng những thứ ngoài hai kiến ấy làm quyến thuộc, dựa nơi Thân kiến làm căn bản. Đây cũng chỉ nêu lên số lớn. Phần tiếp theo dựa nơi Luận Du Già để

giải thích về Tướng.

- Nói “Bốn Biến thường” Tức cho Ngã cùng với thế gian, tất cả đều là thường. Chỉ có ẩn, hiện dựa theo ba cấp độ thượng trung hạ nơi Tính lự cùng khởi, dấy khởi “Túc trụ”, theo niệm sinh bốn thường luận:

Một là, do có thể nhớ nghĩ về hai mươi kiếp thành hoại.

Hai là, có thể nhớ về bốn mươi kiếp.

Ba là, có thể nhớ về tám mươi kiếp.

Bốn là, dựa nơi Thiên nhân để thấy về đời hiện tại, thấy các chúng sinh, lúc chết lúc sinh các uẩn tương tục, nên liền chấp cho Ngã và thế gian đều là thường.

- Nói “Bốn Nhất phần thường”: Nghĩa là nơi bốn Thường đều một phần:

Một là, từ nơi cõi Phạm Thiên chết đi, sinh tới cõi này, đạt được “Túc Trụ thông”, tạo ra các chấp như thế. Phạm vương là thường, Ngã v.v... là Vô thường, nên gọi là một phần.

Hai là, Nghe Phạm vương có những kiến giải như thế, cho đại chúng là thường, Tâm là Vô thường, hoặc đảo ngược lại.

Ba là, cho là trước từ “Hý vong thiên” chết đi sinh đến cõi này, có được thần thông, dấy khởi chấp cho những gì không sinh ở đây là Thường, ta sinh ở đây là Vô thường.

Bốn là, cho là trước từ “Nhuế phần thiên” chết đi, một phần giống như trước. Trú xứ của cõi trời này ở nơi tầng cấp của núi Diệu Cao. Hoặc là Trời Ba mươi ba.

Giải thích: Nếu dựa theo Luận Du Già thì trong đó tức nói về hai thứ không nhân, do dấy giống với chỗ chấp về đời trước (quá khứ). Theo Duy Thức thì sau đấy tức nêu rõ về có Tướng, mười sáu thứ. Nói “Mười sáu thứ” tức có bốn lần bốn (Luận chứng):

Một: Ngã có Sắc. Sau khi chết có Tướng, chấp Sắc là Ngã, nên gọi là Ngã có Sắc. Chấp giữ các pháp nên gọi là có Tướng. Tức ở cõi dục có đủ, cõi Sắc chỉ một phần, trừ cõi trời Vô Tướng.

Hai: Ngã không Sắc. Sau khi chết có Tướng, chấp Vô Sắc uẩn là Ngã. Đây thì có từ cõi Dục cho tới cõi Vô sở hữu xứ, chỉ trừ cõi Phi Tướng.

Ba: Ngã cũng có Sắc, cũng không Sắc. Sau khi chết có Tướng, chấp năm uẩn là Ngã.

Bốn: Ngã chẳng phải là có Sắc, chẳng phải là không Sắc. Sau khi chết có Tướng. Bao trùm luôn phần thứ ba. Dựa nơi Tâm, Tư, Đăng chỉ

đều chấp nhận có thể dấy khởi.

Phần hai của bốn Luận chứng gồm:

Một: Chấp ngã là Hữu biên. Sau khi chết có Tưởng. Chấp Sắc là Ngã, Thể có giới hạn.

Hai: Chấp ngã là Vô biên. Sau khi chết có Tưởng. Chấp chẳng phải Sắc là Ngã, biến hiện khắc các chốn.

Ba: Chấp ngã cũng Hữu biên cũng Vô biên. Sau khi chết có Tưởng. Chấp Ngã tùy theo chỗ thu hẹp hay mở rộng của Thân.

Bốn: Chấp ngã phi Hữu biên, phi Vô biên, sau khi chết có Tưởng.

Bao gồm cả phần ba. Hoặc dựa nơi Tâm Tư, Đẳng chí đều dấy khởi.

Lần ba của bốn Luận chứng gồm:

Một: Ngã có một Tưởng.

Hai: Ngã có đủ loại Tưởng.

Ba: Ngã có Tưởng nhỏ.

Bốn: Ngã có Vô lượng Tưởng.

Giải thích:

Một: Một tưởng: Tức ở ba cõi Vô sắc trước.

Hai: Đủ loại Tưởng: Tức ở nơi cõi Dục, cõi Sắc, trừ cõi Trời Vô tưởng.

Ba: Chấp một phần nhỏ về Sắc hoặc Vô sắc là Ngã tưởng, là Ngã sở. Ngã cùng với chỗ chấp kia kết hợp gọi là Tưởng nhỏ, ở nơi cõi Dục, cõi Sắc, trừ cõi Trời Vô tưởng.

Bốn: Vô lượng Tưởng: Chấp Vô lượng Sắc là Ngã tưởng, Ngã sở. Ngã cùng với chỗ chấp ấy kết hợp, gọi là Vô lượng Tưởng.

Lần bốn của bốn Luận chứng gồm:

Một: Ngã thuần có Lạc, sau khi chết có Tưởng, ở nơi ba Tịnh lự trước.

Hai: Ngã thuần có khổ, sau khi chết có Tưởng, ở trong địa ngục.

Ba: Ngã có khổ có lạc, sau khi chết có Tưởng, ở nơi cõi người, các cõi Trời thuộc dục giới, Ngạ quỷ, Súc sinh.

Bốn: Ngã không có khổ không lạc, sau khi chết có Tưởng, ở nơi Tịnh lự thứ tư.

Trở lên là Tâm Tư, Đẳng chí đều dung nạp nên có thể dấy khởi.

- “Vô tưởng, cùng phủ nhận” (câu phi) mỗi thứ đều có tám Luận chứng.

- Tám Luận chứng của Vô tưởng: Tức có hai lớp bốn Luận

chứng:

Lớp thứ nhất của bốn Luận chứng (Vô tướng gồm):

Một: Ngã có sắc, sau khi chết không có Tướng, chấp Sắc là Ngã, đạt Định Vô tướng, thấy nơi khác có người đạt được định, sinh đây kia tạo nên chấp như thế.

Hai: Ngã không sắc, sau khi chết là không có tướng, chấp mạng căn là Ngã, đạt được định Vô tướng.

Ba: Chấp Ngã cũng có Sắc cũng không Sắc, sau khi chết không có tướng, cùng chấp cả Sắc, Mạng căn là Ngã, ở trong hai cái ấy dấy khởi một Ngã tướng.

Bốn: Chấp Ngã chẳng phải có sắc chẳng phải không sắc, sau khi chết không có Tướng, bao trùm cả Luận chứng thứ ba. Đăng chí, Tâm, Tư đều dung nạp, dấy khởi. Lớp thứ hai của bốn Luận chứng (Vô tướng) gồm:

Một: Chấp Ngã là Hữu biên, sau khi chết là không có Tướng, chấp Sắc là Ngã, dung lượng nhỏ hẹp, đạt được định Vô tướng.

Hai: Chấp Ngã là Vô biên, sau khi chết không có Tướng, chấp Sắc là Ngã, biến hiện khắp tất cả xứ.

Ba: Chấp Ngã cũng Hữu biên cũng Vô biên, sau khi chết không có Tướng, chấp Sắc là Ngã, tùy theo Thân có sự thu hẹp, mở rộng.

Bốn: Luận chứng thứ bốn bao trùm Luận chứng thứ ba, lại không có nghĩa riêng, đăng chí, Tâm Tư đều dung nạp, nên có thể dấy khởi.

- Tám Luận chứng của Câu phi (cùng phủ nhận): Tức cũng có hai lớp bốn Luận chứng:

Lớp thứ nhất của bốn Luận chứng (câu phi) gồm:

Một: Chấp Ngã có Sắc, sau khi chết là phi Hữu tướng phi Vô tướng. Chấp Sắc là Ngã, thấy các chúng sinh, nhập định phi tướng phi phi tướng, Tướng không sáng rõ, sắc sảo, tạo chấp như thế, chỉ có Tâm, Tư, chấp chẳng phải đạt được định.

Hai: Chấp Ngã không Sắc, sau khi chết giống như trước. Chấp uẩn Vô sắc là Ngã, nhập định Phi tướng phi phi tướng, Tướng không sáng tỏ, nên tạo chấp như vậy.

Ba: Chấp Ngã cũng có Sắc cũng không Sắc, sau khi chết giống trước, chấp Sắc, Vô Sắc là Ngã, thấy các chúng sinh v.v... giống trước. Ở trên đều dựa nơi Tâm Tư dấy khởi, chẳng phải do Đăng chí.

Bốn: Luận chứng thứ tư bao trùm cả Luận chứng thứ ba, lại không có nghĩa riêng.

Lớp thứ hai của bốn Luận chứng (Câu phi) gồm:

Một: Chấp Ngã là Hữu biên, sau khi chết là phi Hữu tướng phi Vô tướng. Cho đến luận chứng thứ tư, văn dễ nhận biết. Tất cả đều chấp nơi bốn Vô sắc là Ngã vì đạt được định Phi tướng phi phi tướng. Chỗ chấp nhận đều có chấp này:

Một là, do định kia về thời phần và Vị ngắn, gấp. Dùng riêng mỗi mỗi Uẩn là chỗ duyên, chấp Ngã là Hữu biên.

Hai là, do định kia về thời phần dài, dùng chung bốn uẩn là chỗ duyên hợp, chấp Ngã là Vô biên.

Ba là, do định kia hoặc dùng mỗi mỗi uẩn, hoặc dùng chung làm chỗ duyên hợp, nên thành luận chứng thứ ba.

- Luận chứng thứ tư bao trùm luận chứng thứ ba, lại không có nghĩa riêng.

- Bảy Luận chứng của đoạn diệt gồm:

Một: Chấp Ngã có Sắc thô, chỗ tạo tác của bốn đại chủng là Tánh, sau khi chết là đoạn diệt hoàn toàn, do thấy Thân sau khi chết có mà là không.

Hai: Chấp Ngã là các cõi Trời nơi Dục giới, sau khi chết là đoạn diệt.

Ba: Chấp Ngã là các cõi Trời nơi Sắc giới, sau khi chết là đoạn diệt.

Bốn (Năm, Sáu, Bảy): Chấp Ngã là bốn cõi nơi Vô sắc giới, từ không vô biên xứ đến Phi tướng... đều cho sau khi chết là đoạn diệt.

Bốn chấp sau (chấp về bốn cõi nơi Vô sắc giới) đều chấp nơi mỗi bậc kia là chỗ tốt cùng của sinh tử.

Bốn mươi kiến chấp trước là chấp Thường. Bảy kiến chấp sau là đoạn. bảy chấp này đều thấy đoạn, gọi là Phân biệt dấy khởi.

Nói “Có loại kiến chấp về đời trước với hai Luận chứng không nhân”: Tức đều nhân nơi và Tà kiến mà dấy khởi nhận thức không đứng nên gọi là Tà.

- Hai thứ kiến chấp không Nhân là:

Một: Cho là từ cõi Trời Vô tướng chết đi, sinh vào cõi này, chẳng đạt được Túc Trụ thông nên không thể nhớ lại chỗ tâm đã xuất hiện cùng các bậc đã có ở trước. Lại chấp các pháp gốc từ không mà dấy khởi, như mình cũng từ gốc không mà dấy khởi, nên liền khởi chấp cho Ngã cùng với thế gian dấy khởi là không nhân.

Hai: Do Tầm, Tư không thể nhớ về Thân đời trước nên rạo ra chấp như thế cho mọi dấy khởi đều không có nhân.

Hai kiến chấp như vậy do cõi Trời Vô tướng cùng với chỗ Tầm Tư

hư vọng mà dấy khởi.

- Bốn kiến chấp về Hữu biên là:

Một: Do một hướng có thể nhớ nghĩ về trên dưới. Dưới đến địa ngục Vô gián, trên tới cõi Thiên thứ tư, chấp Ngã ở trong ấy thấy đều sung mãn, nên tạo suy niệm: “Vượt quá đây là có Ngã. Ngã nên có thể nhận thức” do đấy biết là Hữu biên.

Hai: Do một hướng có thể nhớ nghĩ về các bên không có biên vực, chấp Ngã biến hiện khắp, nên chấp là Vô biên.

Ba: Do có thể nhớ nghĩ về trên dưới và các bên, nên cùng chấp là Hữu biên, Vô biên.

Bốn: Do có thể nhớ về phần vị của kiếp loại, nên sinh Tưởng phi Hữu biên phi vô biên, các cõi khí thế gian là không thể thủ đắc.

- Bốn Bất tử kiểu loạn:

Trước là giải thích tổng quát về tên gọi, dựa theo ý của Luận Bà Sa. Tức hàng ngoại đạo cho Trời là thường trụ gọi là “Bất tử”. Cho sự giải đáp không lộn xộn là được sinh nơi cõi Trời kia. Nay, Phật pháp phê phá: “Ông nói về bí mật v.v... tức là kiểu loạn”.

Nói bốn thứ Bất tử kiểu loạn là: (Tham khảo nơi Phật Quang đại từ điển và kinh Phạm động, kinh số hai mươi một, thuộc kinh Trường A Hàm quyển 14).

Đây là những kiến giải của ngoại đạo về bốn vấn đề:

Một: Theo vấn đề nghiệp báo thiện ác.

Hai: Theo vấn đề có hay không có đời khác.

Ba: Theo vấn đề pháp thiện, pháp chẳng thiện.

Bốn: Theo kiến giải của người khác để tạo sự giải đáp cho mình đối với các vấn đề trên (chỉ cho hàng ngu độn chỉ biết nói dựa dẫm, nói theo).

- Năm Hiện Niết-bàn là:

Một: Thấy hiện tại thọ sinh nơi cõi người hoặc cõi Trời, thọ hưởng năm thứ dục lạc, nên cho đó là Niết-bàn.

Hai: Tuy chán lìa năm dục, hiện trụ nơi định thứ nhất, cho đấy là Niết-bàn, dẫn chứng nơi Thân hiện tại, gọi là đạt được Lạc, thấy người khác hiện tại trụ nơi định cũng vậy.

Ba: Do chán Tâm, Tư, hiện đạt được định thứ hai, cho đấy là Niết-bàn.

Bốn: Do chán các Tâm, Tư, Hỷ, hiện trụ nơi định thứ ba, cho đó là Niết-bàn.

Năm: Do chán Hỷ, Lạc cho đến hơi thở ra vào, hiện an trú định

thứ tư cho đó là Niết-bàn.

Do chờ đợi quá khứ nên gọi là đời sau (vị lai). Lại nữa, chỗ chấp Ngã ấy hiện đã có được Lạc, về sau cũng có Lạc, nên thuộc chỗ thâm tóm của đời sau. Do lạc nơi hiện tại là trước mà chấp có Lạc ở đời sau, nên gọi chung là Hiện pháp. Đây chẳng dựa nơi Ngã kiến để dấy khởi nên thuộc chỗ thâm tóm của Tà kiến.

Về đại ý của sáu mươi hai thứ kiến chấp đã nêu bày đủ.

- Số câu: “Đều dùng không thủ đắc làm phương tiện”: Tức ý nơi kinh Đại Bát-nhã, đến phẩm thập Hồi Hương sẽ giải thích.

- Số câu: “Tham dục tức là đạo”: Là nói ở chốn Thắng Nhiệt (Là Bà-la-môn Thắng Nhiệt, vị thiện tri thức thứ chín của đồng tử Thiện Tài?)

- Số câu: “Bạc cổ đức nhận xét về một đoạn này cho là đã thâm tóm quả vị tu tập mà thành”:

Trên là đều dựa theo đức của Trụ thứ nhất, cho là thâm diệu, thù thắng. Nay nêu rõ chỗ thâm tóm của quả vị, tức trước sau dung thông viên mãn, không trái với tông chỉ của Kinh. Do “Sự sự nô ngại” nên viết: “Cũng là một Lý”.

- Số câu: “Lực v.v... dù chưa chứng cũng định rõ là không ngăn ngại”: Tức ý nơi kệ. Kệ viết:

*“Bồ tát ở trong mười Lực Phật
Tuy chưa chứng đắc cũng vô ngại”*

Về mười tám pháp Bất cộng của Phật thì như nơi phẩm Tịnh Hạnh đã nói.

- Số câu: “Hương tới Quả viên mãn tốt cùng”: Tức câu “Sẽ được là Phật” là thuận theo văn kinh, phân làm hai nghĩa, nên dẫn bản tiếng Phạm đối chiếu với bản dịch đời Đông Tấn, tức biết chữ “Đương” (đương đắc = sẽ được là) là ý của người dịch. Ý của người dịch muốn không hủy hoại sự hợp lý ở trước, sau, nên đã dịch như thế. Nếu ý ấy được giữ lại thì không hủy hoại thứ tự trước sau, tức phẩm Phạm Hạnh ở trước, nói “Mới phát tâm tức đạt được Bồ đề”. Vậy dung hợp thế nào? Ở đây đổi làm “Đương” thì kia cũng nên đổi. Kia “Thành” không gây trở ngại, thì đây “Tức” đâu có sai trái? Nên ở đây nói “Tức Phật” chính là nơi phẩm Phạm Hạnh nói “Mới phát tâm tức Thành”. Lại thuận với chỗ giải thích kia nên viết là: “Kiến Tánh tức thành Trí Thân”. Nếu căn cứ theo nẻo Viên dung thì sau đây lại không có Phật riêng.

- Số câu: “Ba là đạt được biết Thân không từ đâu”:

Tức giải thích đoạn kinh nói về việc được thấy một Thân, Vô

lượng Thân của Như Lai, hoàn toàn bình đẳng với trí tuệ chân thật, tức là dùng kệ nơi phẩm Quang Minh Giác ở trước để giải thích. Kệ viết:

*“Một thân là vô lượng
 Vô lượng lại là một
 Rõ biết mọi thế gian
 Hiện hình khắp tất cả
 Thân ấy không từ đâu
 Cũng không chỗ tích tụ
 Chúng sinh do phân biệt
 Thấy Phật vô số thân.”*

Ý nơi văn có thể nhận biết.

- Số câu: “Về thập Hạnh, thập Hồi Hương, thập Địa kia đều như thế”:

Tức đều như chính nơi phẩm ấy nêu bày. Thập Hạnh thì Trí nơi độ thứ mười đã đầy đủ, nên hội nhập nơi Cảnh giới Nhân đà la võng, biết rõ là đã thu tóm các quả vị. Phẩm thập Hồi Hương, thì Hồi hương thứ tám, nhập vô lượng pháp giới Hồi hương đã chứng đắc pháp giới tận cùng. Thập Địa thì gắn liền nơi số lượng của Phật.

Từ câu “Như tác dụng của Phổ Hiền” tiếp xuống: Là nêu ra hai quả vị Đẳng giác và Diệu giác để chứng minh, xác nhận.

- Số từ câu: “Hai là căn cứ chỗ kiến tánh như nhau” tiếp xuống: Trên đây là ý của Hòa Thượng Tạng. Từ đây trở xuống là ý của Thiên Thai Viên giáo. Cho nên nói: “Người xưa đã dựa theo thời gian để nói về năm thứ Bồ đề. Ngã tức theo không gian chia ra sáu Tức, trong đây hiện là phần “Chân tức”. Phần này gồm bốn đoạn:

Một: Chính thức biện minh.

Hai: Từ câu: “Nếu như thế” tiếp xuống: Là đặt ra vấn nạn.

Ba: Từ câu: “Xin dùng dụ để làm rõ” tiếp xuống: Là giải thích. trước dụ về pháp Viên dung. Sau, dụ về nẻo Hành bố (trước sau có thứ lớp).

Bốn: Từ câu: “Dựa nơi nghĩa này” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận.

- Số từ câu: “Lại do nghĩa này mà dựa theo thấp để nêu cao” tiếp xuống: Cũng là ý của Tông Thiên Thai. Trí Giả đại sư tuy nói đến bốn giáo, ba giáo cùng chỗ đạt đến quả vị nhưng đều là phương tiện...

- Số câu: “Văn hàm chứa nhiều ý”: Là nêu lên, Trước là nêu ra hai kiến giải đã có từ xưa.

Nói “Câu nơi chính mình hãy còn chưa vượt khỏi sự cầu tìm”: Là

đả phá cách giải thích thứ hai, tức trái với ý nơi kinh Tịnh Danh:

“Ở nơi tất cả các pháp nên không chốn cầu tìm”.

- Sở từ câu: “Nay giải thích có hai nghĩa” tiếp xuống: Là thuật lại nghĩa chính. Ý trước tức thuận với Tánh không của Bát-nhã. Ý sau thì nêu rõ về Sự Lý, cả hai cùng hiện bày. Kinh viết: “Ta nên cầu tìm trong không chỗ cầu tìm”, tức trong kinh Phương Đẳng, đức Phật vì Bồ Tát Lô Lô Âm giảng nói về nhân duyên xưa của Pháp Hoa xong, lại nói: “Thời quá khứ có Phật tên là Chiên-Đàn Hoa. Đức Phật này nhập Niết-bàn đã lâu, bấy giờ Ta cũng như ông không khác. Thời ấy có vị Bồ tát tên là Thượng Thủ, làm một vị khát sĩ vào thành khát thực. Lúc đó có một vị Tỳ kheo tên Hằng Già, nói với vị khát sĩ: Ông từ ở đâu tới đây? Đáp: “Tôi từ trong cõi chân thật đến đây. Hỏi: “Thế nào gọi là chân thật? Đáp: Mọi hình tướng đều vắng lặng, nên gọi là Chân thật. Lại hỏi: Trong tướng vắng lặng là có chỗ cầu, không chỗ cầu chăng? Đáp: Không chỗ cầu. Lại hỏi: Đối với không chỗ cầu thì dùng cái gì để cầu? Đáp: Trong không chỗ cầu tôi nên theo đấy mà cầu tìm. Lại hỏi: Trong không chỗ cầu tìm thì dùng những gì để cầu tìm? Đáp: Về người có chỗ cầu thì tất cả đều không. Người đạt được cũng không. người chấp trước cũng không. Sự thật cũng không. Việc cầu tìm cũng không. Ngôn ngữ cũng không. Người hỏi cũng không. Niết-bàn vắng lặng, nên tất cả đều vắng lặng, tịch tĩnh. Tất cả thế giới cũng lại đều không. Tôi vì thứ lớp pháp không như thế mà cầu tìm chân thật. Lại hỏi: Bồ tát ở nơi xứ nào để cầu? Đáp: Ở trong sáu pháp Ba-la-mật để cầu. Tỳ kheo Hằng Già nghe xong liền hết lòng cúng dường.”

Giải thích: Rõ ràng là đoạn kinh văn dẫn trên cùng chứng minh hai ý. Do chính nói về việc cầu tìm đều là không, tức là ý của Bát-nhã. Cho nên chẳng ngăn ngại việc cầu tìm, tức là ý song hành. Song hành cũng tức là ý Bất cộng nơi Bát-nhã.

- Sở câu: “Nhưng trải qua nhiều kiếp”: Ở đây chỗ nêu lên cũng là vấn nạn. Tức có câu hỏi: Trước giờ tán dương kinh là huyền diệu, tức cho rằng trong một đời có thể thực hiện viên mãn quả vị của vô số kiếp. Nay đã cho là vi diệu viên mãn, thì sao nói là do nhiều kiếp mới thành tựu?

Phần sau, từ câu: “Nhưng các giáo khác” tiếp xuống: Là phần đáp.

Gồm bốn chi tiết:

Một: Nêu lên các tông chỉ khác.

Hai: Từ câu: “Tông chỉ ấy” tiếp xuống: Là chỉ rõ chỗ nêu bày

chính.

Ba: Từ câu: “Luận Khởi Tín thì cho hoặc chậm hoặc nhanh” tiếp xuống: Là cùng nêu ra ý của hai tông chỉ.

Bốn: Từ câu: “Cùng có: Tiếp xuống: Là tóm kết, khuyến khích tu học. Trong chi tiết ba, tức nơi Luận Khởi Tín phần nói về tướng phát tâm tu tiến hướng về đạo, do chứng đắc mà phát tâm. Phần sau của Luận viết: “Hoặc khi vì các chúng sinh yếu kém. Bồ tát thị hiện sự vượt bậc mau chóng thành chánh giác. Hoặc lúc vì những chúng sinh biếng trễ, kiêu mạn, mà nói rằng phải vô lượng A-tăng-kỳ kiếp về sau tôi mới thành tựu đạo quả Phật đà. Lại có thể thị hiện vô số phương tiện chẳng thể nghĩ bàn như thế, nhưng thật sự thì các vị Bồ tát, chủng tánh, và căn đều bình đẳng, nên sự phát tâm cũng bình đẳng, chỗ chứng đắc cũng bình đẳng, không có pháp vượt bậc, do hết thấy Bồ tát đều trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp. Chỉ vì theo chúng sinh với thế giới chẳng đồng, chỗ thấy, nghe, căn cơ và dục khác nhau, nên Bồ tát thị hiện sự hành hóa cũng có sai biệt.”

Giải thích: Đây tức là cho sự chậm mau đều là phương tiện. Tông chỉ này thì cho có cấp bậc xác định là Quyền, cho chẳng định rõ, hoặc chậm hoặc nhanh là Thật, như đoạn thứ hai ở trước đã biện minh. Do đây, Tiên nhân Tỳ Mục Cù Sa (Vị Thiện tri thức thứ tám của đồng tử Thiện Tài) tạm thời cầm tay đồng tử Thiện Tài trong một lúc mà trải qua nhiều kiếp, tức một đời chẳng cố định, một đời là vô lượng kiếp, tức một niệm là nhiều kiếp. Há vì nhiều kiếp mà tóm kết, khuyến khích nên cố chấp.

- Số câu: “Về ý nghĩa chính thì giống với mười Trụ ở trước”: Tức giống như trong mười Trụ tăng thêm phần đối tượng được bao gồm. Ở đây, thứ nhất là “Hiện bày pháp Phật” tức ở trước (mười Trụ) là hành trì, thuyết giảng về pháp Phật.

Hai là “Ánh sáng trí tuệ soi chiếu khắp”, tức ở trước là “Giác ngộ tất cả pháp Phật”.

Ba là, “Khai mở, xiển dương nghĩa thật”, tức ở trước là “Tăng trưởng Phật Trí”.

Bốn là, “Chứng đắc Pháp tánh”, tức ở trước là “Chỗ hội nhận vô ngại”.

Năm là, “Chúng hội hoan hỷ”, tức ở trước là “Khéo thấu rõ cõi chúng sinh cùng nhận biết về căn cơ của mọi loài”.

Sáu là, “Khai thị về nhân của Phật pháp” tức ở trước là “Chỗ hành hóa không chướng ngại cùng đạt được phương tiện hơn hết”.

Bảy là, “Vì đạt được tất cả pháp bình đẳng của Phật” tức ở trước là “Hội nhập nơi tất cả Tánh của Trí”.

Tám là, “Vì thấu rõ pháp giới là không hai” tức ở phần trước là “Vào sâu nơi pháp giới”.

Do vậy, phẩm tóm kết nói: “Thuyết giảng pháp như thế nêu rõ là nói về nhân.”

- Số câu: “Bốn đối trong phần riêng: Một là Nghiệp tịnh hiển bày Lý”: Tức Nghiệp thanh tịnh thì Lý hiển bày.

Hai: “dứt trừ Hoặc, mở ra sự tin tưởng”, Tức nếu không còn vọng tưởng thì chỗ tin tưởng và hiểu biết được tăng trưởng.

Phần còn lại có thể nhận biết.

- Số câu: “Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân”: Tức nơi kinh Di Giáo đã nêu rõ:

Một: Ít ham muốn.

Hai: Biết đủ.

Ba: Tịch tĩnh.

Bốn: Tinh tấn.

Năm: Chánh niệm.

Sáu: Chánh định.

Bảy: Chánh tuệ.

Tám: Dứt mọi hý luận.

Kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai mươi bảy, đã tăng thêm hai pháp là mười.

Kinh nói: “Thiện nam! Bồ tát thành tựu được mười pháp này, tuy thấy được Phật tánh nhưng chẳng được rõ ràng”. Bảy pháp trước giống như đã nêu ở trước. “Tám tức là Giải thoát. Chính là tán dương sự giải thoát. Mười là dùng pháp Niết-bàn để giáo hóa các chúng sinh khác”. Trong phần giải thích về thập Địa lại sẽ diễn rộng.

- Số câu: “Cũng là Tụng nói về Tướng chung như sự tán thán về chỗ thâm diệu khó nêu bày ở trước. Nếu đem phối hợp riêng tức khiến có thể chứng đắc cùng có chỗ hạn cuộc”:

Người xưa cho hai mươi ba kệ là tán dương về chỗ thâm diệu khó nêu bày đã nói ở trước. Tức phân làm mười đoạn:

Một: Gồm bốn kệ, Tụng về sự hết mực thâm diệu.

Hai: Gồm một kệ, Tụng về sự khó nhận biết.

Ba: Có hai kệ, Tụng về sự khó phân biệt.

Bốn: Từ câu “Tâm Bồ đề” tiếp xuống, gồm hai kệ. Tụng về chỗ khó Tin, Hiểu.

Năm: Gồm ba kệ, Tụng về sự khó chứng đắc.

Sáu: Gồm hai kệ, Tụng về sự khó hành trì.

Bảy: Gồm hai kệ, Tụng về sự khó thông đạt.

Tám: Từ câu: “Rõ tự tánh pháp” tiếp xuống, gồm hai kệ, Tụng về chỗ khó tư duy.

Chín: Gồm hai kệ, Tụng về chỗ khó nêu bày.

Mười: Có ba kệ, Tụng về chỗ khó ước tính về dung lượng.

Nên gọi là: “Nếu đem phối hợp riêng thì khiến khó chứng đắc cùng có chỗ hạn cuộc”. Như tất cả hàng Độc giác và Thanh văn đều do sự phát tâm để làm chỗ căn bản.

Nói “Tụng về chỗ khó chứng đắc”: Tức ở phần trước, văn nói về mười Lực, mười tám pháp Bất cộng há là dễ chứng đắc? Nên cho rằng: “Cùng có chỗ hạn cuộc”. Nay thì hai mươi ba kệ ấy đều chung cho cả khó tin tưởng, khó nhận biết, khó chứng đắc. Cho nên viết: “Tụng của Tướng chung ở trước, tức khiến chứng đắc cùng có chỗ hạn cuộc.”
